

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NL
TỈNH TH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60/2024/HSST
Ngày 26/12/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NL, TỈNH TH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Điềm.

Bà Phạm Thị Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Hà là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện NL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NL tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lanh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện NL, tỉnh TH, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 60/2024/HSST ngày 14 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2024/QĐXXST-HS ngày 25/11/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2024/HSST-QĐ ngày 09/12/2024 đối với các bị cáo:

1. Trịnh Đình A, sinh ngày 05/8/2005; Nơi cư trú: Thôn XT, xã KT, huyện NL, tỉnh TH; Số căn cước công dân: 038205025560; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 8/12; con ông Trịnh Đình S và bà Nguyễn Thị H; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại có mặt phiên tòa.

2. Bùi Thanh T, sinh ngày 14/9/2003; Nơi cư trú: Thôn TC, xã KT, huyện NL, TH; Số căn cước công dân: 038203000932; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 7/12; con ông Bùi Văn V và bà Bùi Thị B; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại có mặt.

Người bị hại:

- Anh Lê Huy H, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn KM, xã KT, huyện NL, tỉnh TH. (Có mặt).

- CTCPTMBTĐ. Địa chỉ: Tầng Z, Tòa nhà TTĐ, số Z, đường NSS, phường HB, thành phố V, tỉnh NA. Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn H. Địa chỉ: Số A NSS, thành phố V, tỉnh NA. Người đại diện theo ủy quyền: Anh Bùi Văn H, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn TH, xã QT, huyện NL, tỉnh TH. (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Anh Bùi Văn B, sinh ngày 28/11/2008. Người đại diện hợp pháp cho anh B là bà Bùi Thị N, sinh năm 1970 (Mẹ ruột của anh B). Cùng địa chỉ: Thôn KM, xã KT, huyện NL, tỉnh TH. (đều vắng mặt).

- Anh Bùi Anh S, sinh ngày 12/9/2008. Người đại diện hợp pháp cho anh S là bà Trương Thị Đ, sinh năm 1976 (Mẹ ruột của anh S). Cùng địa chỉ: Thôn XT, xã KT, huyện NL, tỉnh TH. (Vắng mặt anh S, có mặt bà Đạt).

Người làm chứng:

- Chị Bùi Thị B, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn TC, xã KT, huyện NL, tỉnh TH. (Có mặt).

- Anh Vũ Ngọc K, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn BS, xã KT, huyện NL, tỉnh TH. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng từ 19 giờ đến 22 giờ, ngày 18/5/2024 Bùi Thanh T, Bùi Văn B, Trịnh Đình A và Bùi Anh S đến ăn cơm, uống rượu tại nhà Bùi Văn B, trong khi uống rượu Trịnh Đình A rủ T, B, S đi ra đường HCM dùng các vỏ chai bia ném vào xe ô tô đi trên đường, cả ba đồng ý. Sau đó, bốn người cùng đi chiếc xe mô tô của T, do S điều khiển đi đến thôn BS, xã KT, Trịnh Đình A nói với B đi vào lấy kết vỏ chai bia của nhà KV đang để trước cửa nhà. T vào lấy kết vỏ chai bia và ngồi lên xe ôm kết vỏ chai bia, S điều khiển xe đi qua “Cầu làng c” thuộc thôn KM, xã KT thấy một xe ô tô tải đi qua, T, B và A dùng vỏ chai bia ném về phía xe ô tô, rồi tiếp tục đi được khoảng 500m, phát hiện thấy chiếc xe ô tô tải biển kiểm soát 37C-327.41, do anh Bùi Văn H, trú tại thôn TH, xã QT, huyện NL điều khiển đi ngược chiều, A, T, B lấy vỏ chai bia ném về phía xe ô tô, rồi tiếp tục đi khoảng 200m phát hiện chiếc xe ô tô con, biển kiểm soát 36A-739.15, do anh Lê Huy H, trú tại thôn BS, xã KT, huyện NL điều khiển, A lấy vỏ chai bia ném về phía chiếc xe ô tô, rồi tiếp tục đi về hướng xã Xuân Châu, huyện TX, dùng vỏ chai bia ném vào một số chiếc xe lưu thông trên đường. Ngày 19/5/2024 Trịnh Đình A và Bùi Thanh T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện NL đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 28/KL-HĐĐGTS ngày 19/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện NL, kết luận: giá trị tài sản bị thiệt hại đối với xe ô tô BKS: 37C-327.41 là 2.833.000 đồng, xe ô tô BKS: 36A-739.15 là 8.733.000 đồng, tổng trị giá tài sản bị thiệt hại là 11.566.000 đồng.

Theo lời khai các bị cáo, ngoài hành vi ném xe anh H, anh H, các bị cáo còn ném vỏ chai bia vào một số phương tiện lưu thông trên đường từ xã KT, huyện NL đến thị trấn TX, huyện TX, Cơ quan điều tra đã thông báo truy tìm bị hại nhưng không có kết quả, nên không có căn cứ để xử lý.

Xe mô tô của Bùi Thanh T không gắn biển kiểm soát, chở quá người quy định, Cơ quan điều tra chuyển hồ sơ đến Công an huyện NL để xử phạt hành chính theo quy định.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:

Đối với xe ô tô BKS: 37C-327.41 và xe ô tô BKS: 36A-739.15 sau khi định giá tài sản, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu theo quy định.

Đối với xe mô tô BKS: 36K5-380.01, chủ sở hữu là bà Bùi Thị B (Mẹ của Bùi Thanh T), khi Tùng lấy xe đi bà B không biết, nên không có căn cứ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Lê Huy H yêu cầu bồi thường 25.000.000 đồng, anh Bùi Văn H đại diện theo ủy quyền của CTCPTMBTĐ yêu cầu bồi thường 17.000.000 đồng. Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa bồi thường đồng nào. Tại phiên tòa anh H giữ nguyên yêu cầu bồi thường, anh H yêu cầu bồi thường 10.000.000 đồng. Đối với vỏ chai bia chủ sở hữu không yêu cầu bồi thường, nên không xem xét.

Cáo trạng số 60 ngày 14/10/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện NL, đã truy tố các bị cáo về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trịnh Đình A và Bùi Thanh T phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 178; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo A và T, xử phạt bị cáo Trịnh Đình A từ 12 đến 15 tháng tù và xử phạt bị cáo Bùi Thanh T từ 09 đến 12 tháng tù. Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 587, Điều 589 Bộ luật Dân sự, buộc các bị cáo và người đại diện hợp pháp giám hộ cho Bùi Văn B, Bùi Anh S phải liên đới bồi thường cho anh H số tiền 25.000.000 đồng và bồi thường cho CTCPTMBTĐ số tiền 10.000.000 đồng. Buộc bị cáo và người đại diện hợp pháp giám hộ cho Bùi Văn B, Bùi Anh S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, không có ý kiến tranh luận. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo theo quy định pháp luật.

Anh Lê Huy H yêu cầu bồi thường 25.000.000 đồng. Anh Bùi Văn H yêu cầu bồi thường 10.000.000 đồng và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo

Người đại diện hợp pháp giám hộ cho Bùi Anh S trình bày: Bùi Anh S không có tài sản riêng và đồng ý bồi thường theo yêu cầu của người bị hại.

Người làm chứng có mặt trình bày phù hợp với lời khai của các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra của Viện kiểm sát của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử phù hợp với pháp luật, không có trường hợp nào bị khiếu nại, tố cáo.

[2]. Về căn cứ định tội và định khung hình phạt đối với bị cáo: Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng từ 19 giờ đến 22 giờ, ngày 18/5/2024 Trịnh Đình A, Bùi Thanh T cùng với Bùi Văn B, sinh ngày 28/11/2008 và Bùi Anh S, sinh ngày 12/9/2008 đã thực hiện hành vi, sử dụng các vỏ chai bia bằng thủy tinh ném vào xe ô tô BKS: 37C-327.41 của anh Bùi Văn H và xe ô tô BKS: 36A-

739.15 của anh Lê Huy H đang lưu thông đường thuộc thôn KM, xã KT, huyện NL, tài sản bị thiệt hại có trị giá là 11.566.000 đồng, cấu thành tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự. Đối với Bùi Văn B và Bùi Anh S chưa đủ 16 tuổi, chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Vì vậy cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện NL, tỉnh TH, truy tố các bị cáo Trịnh Đình A và Bùi Thanh T là chính xác.

[3]. Về tính chất vai trò và mức độ phạm tội của các bị cáo: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, xâm phạm trật tự, an toàn xã hội. Để giữ nghiêm pháp luật và răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung, phải lên cho các bị cáo mức án nghiêm khắc. Các bị cáo phạm tội không có sự phân công cấu kết chặt chẽ với nhau, nên các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trịnh Đình A là người khởi xướng và sai khiến các đối tượng khác lấy vỏ chai bia, nên có vai trò chính trong vụ án, bị cáo T là người hưởng ứng tích cực thể hiện ở hành vi lấy xe mô tô của mẹ mình, tháo biển số xe để không bị công an phát hiện và đưa xe mô tô cho S điều khiển, nên áp dụng mức án đối với bị cáo A sẽ cao hơn bị cáo Tùng theo quy định tại Điều 58 Bộ luật Hình sự.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo: Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo đến Công an huyện NL đầu thú, thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo là thanh niên mới lớn không tu trí làm ăn mà tụ tập uống rượu, chơi bời lêu lổng, sau khi phạm tội không thăm hỏi bồi thường cho người bị hại. Hiện nay hành vi dùng gạch đá, chai bia... ném vào vị trí người điều khiển các phương tiện tham gia giao thông xảy ra nhiều, gây hoang mang lo sợ cho người tham gia giao thông, nên phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo lao động tự do thu nhập không ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp với pháp luật.

[6]. Về trách nhiệm dân sự:

- Xét yêu cầu bồi thường của anh Bùi Văn H đại diện theo ủy quyền của CTCPTMBTĐ thấy rằng: Đối với số tiền sửa xe 2.380.000 đồng và tiền phí giữ xe 3.600.000 đồng có hóa đơn hợp lệ, nên chấp nhận. Đối với yêu cầu bồi thường mất thu nhập trong thời gian xe bị hư hỏng và bị tạm giữ anh H yêu cầu 4.020.000 đồng, số tiền này anh H không cung cấp được chứng cứ, nhưng tại phiên tòa các bị cáo và bà Trương Thị Đ đồng ý bồi thường, nên chấp nhận số tiền anh H yêu cầu 10.000.000 đồng là phù hợp.

- Xét yêu cầu của anh Lê Huy H thấy rằng: Anh H yêu cầu 25.000.000 đồng gồm: Tiền sửa xe, phí bị giữ xe, tiền mất thu nhập. Tại phiên tòa các bị cáo và bà Trương Thị Đ đồng ý bồi thường số tiền 25.000.000 đồng, nên chấp nhận.

Tổng số tiền người bị hại yêu cầu và các bị cáo và người giám hộ cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng ý bồi thường là 35.000.000 đồng. Tài sản bị

thiệt hại là do hành vi của Trịnh Đình A, Bùi Thanh T, Bùi Văn B và Bùi Anh S gây ra, nên tất cả đều phải chịu trách nhiệm bồi thường theo phần là 8.750.000 đồng. Bùi Văn B và Bùi Anh S chưa đủ 18 tuổi, không có tài sản riêng. Bố của Bảo và Sơn đã chết, nên mẹ của Bùi Văn B và mẹ của Bùi Anh S phải chịu trách nhiệm bồi thường theo quy định tại Điều 586 Bộ luật Dân sự.

[7]. Về vật chứng: Đối với chiếc xe ô tô BKS: 37C-327.41 và xe ô tô BKS: 36A-739.15, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu phù hợp với pháp luật. Đối với xe mô tô BKS: 36K5-380.01, chủ sở hữu là bà Bùi Thị B (Mẹ của Bùi Thanh T), khi T lấy xe đi bà B không biết, nên không có căn cứ xử lý là phù hợp.

[8]. Về án phí: Bị cáo và người đại diện hợp pháp giám hộ cho Bùi Văn B, Bùi Anh S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Trịnh Đình A và Bùi Thanh T phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 178, điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với Trịnh Đình A và Bùi Thanh T.

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Đình A 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Thanh T 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo Trịnh Đình A và Bùi Thanh T.

Về phần dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, Điều 586, Điều 587 và Điều 589 Bộ luật Dân sự

Buộc các bị cáo Trịnh Đình A, Bùi Thanh T, bà Bùi Thị N giám hộ cho Bùi Văn B và bà Trương Thị Đ giám hộ cho Bùi Anh S phải liên đới bồi thường cho anh H 25.000.000 đồng, (Hai mươi lăm triệu đồng) và bồi thường cho CTCPTMBTĐ 10.000.000 đồng, (Mười ba triệu, một trăm nghìn đồng).

Cụ thể: Bị cáo Trịnh Đình A, Bùi Thanh T, bà Bùi Thị N và bà Trương Thị Đ, mỗi người phải liên đới bồi thường số tiền là 8.750.000 đồng (Tám triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả đủ số tiền cho người được thi hành án, thì hàng tháng người phải thi hành án, phải trả lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 6, Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Trịnh Đình A và Bùi Thanh T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 437.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng mỗi bị cáo phải chịu án phí là 637.000 đồng (Sáu trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

Bà Bùi Thị N và bà Trương Thị Đ, mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 437.000 đồng (Bốn trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án sử công khai sơ thẩm, bị cáo và các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 26/12/2024. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QLNVLQ
- Người ĐD hợp pháp của người có QLNVLQ;
- VKSND huyện NL;
- VKSND tỉnh TH;
- TAND tỉnh TH;
- CQĐT CA huyện NL;
- CQTHAHS CA huyện NL;
- Chi cục Thi hành án DS huyện NL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Xuân Vinh